TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2020
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Văn Hậu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ
Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Tuyết N - sinh năm 1995
Trú tại: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành Thanh T - sinh năm 1988
Trú tại: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
(Nguyên đơn và Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 và bản tự khai ngày 17/01/2020, bà Đỗ Thị Tuyết N trình bày:

Năm 2013, bà và ông Nguyễn Thành Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi). Trong thời gian sống chung ông T hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ ngoại tình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đỗ Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành Thanh T.

Con chung: Có một con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/01/2016 hiện đang ở cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nhận nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: không có

Vì công việc làm tại thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện đi lại khó khăn, dịch bệnh nên bà N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2020 ông Nguyễn Thành Thanh T trình bày.

Giữa ông và bà Đỗ Thị Tuyết N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn như bà N trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có lúc xảy ra mâu thuẫn vì ông làm nghề biển, thường xuyên vắng nhà, bà N ở nhà ngoại tình dẫn đến không tin tưởng nhau nên ông có hành động vài lần đánh bà N nhưng không gây thương tích gì, ông thấy còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Con chung: có một con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/01/2016 hiện đang ở cùng bà N. Ông T yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Vì công việc đánh bắt hải sản trên biển, ít có thời gian về nhà nên đề nghị Tòa án xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Thành Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/01/2016 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thành Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung; nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà N, ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết N và bị đơn ông Nguyễn Thành Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tin tưởng nhau, ông T có hành vi bạo lực gia đình, đều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Thành Thanh T.

[3] Về con chung: Có một con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/01/2016. Các bên đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy ông T làm nghề đánh bắt hải sản trên biển thường xuyên vắng nhà, ít có điều kiện chăm sóc con cái. Bà N có chỗ ở và nơi làm việc ổn định, có điều kiện chăm sóc con, nên giao cháu H cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227; 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Thành Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/01/2016 cho bà Đỗ Thị Tuyết N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. ông Nguyễn Thành Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/05/2020. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2018/0002767 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Ông Nguyễn Thành Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Bà Đỗ Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND thị trấn Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bình **Nguyễn Thị Thanh** **Nguyễn Văn Duẩn**

TÒA ÁN NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH QUẢNG NGÃI

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Hồi 11 giờ ngày 05/05/2017, tại phòng nghị án tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Hoàng Minh Tân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 239/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Côi

Bị đơn: bà Lê Thị Hồng Yến

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 427, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

* Về nội dung:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Côi. Buộc bà Lê Thị Hồng Yến phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Côi 02 cây (20 chỉ) vàng nhẫn bốn số 9999, tiền gốc 544.000.000 đồng, tiền lãi là 40.800.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 584.800.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đình Dũng Hoàng Minh Tân	Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn